

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 12 - 2020

V/v ly hôn, nuôi con, tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “xin ly hôn, nuôi con, tài sản chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 1467/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Phan Tuấn T - Sinh ngày 02/5/1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam: Số 35 đường Q, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

Địa chỉ hiện tại: XXXX Budapest, NyergesUtca 19 Hungary. Hộ chiếu số: NNNN do Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary cấp ngày 18/8/2014. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Thúy N - Sinh ngày 21/6/1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ hiện tại: Số 19 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Phan Tuấn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Thúy N tìm hiểu và yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2012 tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần, mặc dù đã nhiều lần được hai bên gia đình hòa giải nhưng đến nay không thể tiếp tục chung sống vì mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm: cháu Phan Thành H1 - sinh ngày 14/5/2012, cháu Phan Thành H2 - sinh ngày 29/12/2013 và cháu Phan Thành Đ - sinh ngày 15/3/2016. Sau khi ly hôn anh T đồng ý theo nguyện vọng của chị N, để các con ở với chị N và mỗi tháng anh T sẽ cấp dưỡng nuôi ba con với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì, hiện tại hai vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày tại bản tự khai ngày 16/10/2019:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn đúng như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hợp nhau; mâu thuẫn đã trầm trọng, nay anh T làm đơn xin ly hôn thì chị N cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết sớm để hai người ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có ba đứa con chung đúng như anh T đã trình bày. Hiện tại cả ba con đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả ba đứa con, yêu cầu anh T trợ cấp nuôi dưỡng ba con đến 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/11/2019 chị Nguyễn Thị Thúy N có đơn bổ sung với nội dung: Hiện nay anh T đang định cư ở Hungary, hai vợ chồng có 01 căn nhà ở tại NNNN Budapest, Nyergesutca 19 Hungary, và có vay nợ của Ngân hàng OTP Hungary 20.000.000 Forin (Tương đương 02 tỷ tiền Việt Nam đồng). Vì vậy chị N đề nghị Tòa án giải quyết cả về tài sản và nợ chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2020 chị N trình bày: Về tình cảm, chị đồng ý ly hôn; về con chung, chị N xin nuôi cả 03 cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng; về nợ nếu anh T gửi giấy xóa nợ của ngân hàng OTP Hungary để chứng minh chị N không liên quan đến khoản nợ trên thì chị N sẽ không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Ngày 04/7/2020, chị N gửi đơn yêu cầu không xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, với các lý do: Hiện tại anh T đang sinh sống (định cư) tại Hungary; chị N và các con đều có quyền định cư tại Hungary; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không quản lý hoạt động kinh doanh của anh T mà cơ quan pháp luật Hungary đang nắm và họ đủ chế tài xử vụ ly hôn này.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị N khẳng định tình cảm vợ chồng đã hết, hai người không thể trở lại chung sống với nhau được nữa, tuy nhiên anh T phải chứng minh cho chị N thấy chị không liên quan gì đến khoản nợ mà anh T đã vay của ngân hàng OTP Hungary thì chị N mới đồng ý ly hôn; chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản (Chị yêu cầu xác nhận chị không liên quan đến khoản nợ mà anh T đã vay của ngân hàng OTP Hungary); về con chung chị N xin nuôi cả 03 cháu và đồng ý mức đóng góp tiền nuôi con 10.000.000 đồng (tiền Việt nam đồng)/tháng (cho cả 03 cháu).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Phan Tuấn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy N. Về con, giao cả 03 cháu cho chị Nguyễn Thị Thúy N chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi ba con là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành. Về tài sản không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Tuấn T có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; chị Nguyễn Thị Thúy N cùng 03 đứa con (cháu Phan Thành H1, Phan Thành H2 và cháu Phan Thành Đ) đều có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hiện tại anh Phan Tuấn T có địa chỉ cư trú tại: NNNN Budapest, NyergesUtca 19. Hungary. Theo công văn Số: 2009/STP-HCTP ngày 11/8/2020 của Sở Tư pháp Quảng Bình về việc trả lời kết quả tra cứu thông tin Quốc tịch Việt nam cho công dân thì anh Phan Tuấn T, chị Nguyễn Thị Thúy N cùng 03 đứa con (cháu Phan Thành H1, Phan Thành H2 và cháu Phan Thành Đ) không có trong danh sách công dân Việt nam đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam, và cũng không có tên trong danh sách những người bị tước quốc tịch Việt Nam. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ để báo chị N đến trụ sở Tòa án để giải quyết những vấn đề liên quan đến yêu cầu của chị N trong vụ án ly hôn nhưng chị N chỉ có mặt một lần để viết bản tự khai (Ngày 08/01/2020) còn tất cả các lần khác đều vắng mặt không có lý do. Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất (ngày 12/11/2020) nhưng do chị N vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa; tại phiên tòa hôm nay chị N có mặt, anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Tuấn T và chị Nguyễn Thị Thúy N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, do vậy hôn nhân giữa anh T với chị N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại cả anh T và chị N đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai có mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị N chưa đồng ý ly hôn là do còn vướng mắc về khoản nợ mà anh T đã vay tại ngân hàng OTP Hungary, chứ không phải do hai người còn tình cảm với nhau. Vì vậy, cần xử cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh T, chị N có 03 đứa con chung gồm: Phan Thành H1, sinh ngày 14/5/2012; Phan Thành H2, sinh ngày 29/12/2013 và Phan Thành Đ, sinh ngày 15/3/2016. Hiện tại cả 03 đứa con đều đang sống với chị N (Tại số

19, đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình). Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả 03 đứa con; anh T cũng đồng ý giao cả 03 đứa con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Phan Thành H1 cũng có ý kiến đồng ý ở với mẹ (Cháu H2 và cháu Đ chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không hỏi ý kiến của hai cháu về việc ở với ai). Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị N là chính đáng, anh T cũng đồng ý theo nguyện vọng của chị N và nguyện vọng của con, do đó Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị N để giao cả 03 đứa con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị N, anh T đồng ý để anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi cả 03 đứa con với số tiền 10.000.000 đồng (Tiền Việt Nam đồng)/tháng đến khi các con trưởng thành 18 tuổi. Xét thấy mức đóng góp nuôi con như trên là do các bên tự nguyện nên được Tòa án chấp nhận. Thời gian đóng góp tiền nuôi con bắt đầu từ tháng 12/2020 trở đi cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

[4]. Về quan hệ tài sản: Theo anh Phan Tuấn T trình bày thì vợ chồng không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai ngày 16/10/2019 chị Nguyễn Thị Thúy N cũng trình bày về tài sản do hai người tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 14/11/2029 mà chị N gửi cho Tòa án, chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày: Hai vợ chồng có 01 căn nhà tại NNNN Budapest, NyergesUtca 19. Hungary; có vay của Ngân hàng OTP Hungary 20.000.000 Forin (Tương đương 02 tỷ Việt Nam đồng), việc vay nợ có chữ ký của chị N.

Tòa án đã yêu cầu chị N cung cấp các tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình và yêu cầu nộp tiền để Tòa án thực hiện việc Ủy thác tư pháp xác minh về tài sản và số nợ trên nhưng chị N không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2020, cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N trình bày nếu anh T gửi giấy xóa nợ về cho chị N hoặc chứng minh chị N không liên quan đến khoản nợ của ngân hàng nữa thì chị N sẽ đồng ý ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo nội dung bản tự khai ngày 22/6/2020 của anh T gửi cho Tòa án thì anh thừa nhận có nợ Ngân hàng OTP Hungari số tiền 22.000.000 Forint, nhưng số nợ này không liên quan đến chị N, không xem là nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phan Tuấn T đã gửi cho Tòa án “Bản thỏa thuận” của anh T và chị N lập tại Hungari, trước sự chứng kiến của Luật sư và người làm chứng; đã được dịch từ tiếng Hungari và được Đại sứ quán Việt Nam tại Hungari hợp pháp hóa lãnh sự (Số: 1237/LS-HPH ngày 09/3/2020). Theo bản thỏa thuận trên thì anh thành đã mua bất động sản tại địa chỉ NNNN Budapest, NyergesUtca 19. Hungary, có diện tích là nhà ở, sân, gara trên diện tích là 555 m² với giá 60.000.000 Ft; số tiền mua bất động sản là của bố anh T tặng riêng cho anh T; anh T đã dùng tiền riêng của mình và tiền vay ngân hàng để trả cho người bán (không sử dụng tiền thuộc tài sản chung để đóng góp vào việc mua bất động sản). Còn về việc trả nợ cho ngân hàng thì tại mục 4 trang 1 của Bản thỏa thuận đã xác định: *“Những bên ký kết thỏa thuận là người vợ đồng ý để người chồng vay tiền để trả tiền mua nhà bằng cách là người vợ không có nghĩa vụ phải trả lại tiền đã vay. Với việc ký tên vào văn bản hiện tại, người chồng chấp thuận*

đơn miễn trừ nghĩa vụ thuộc về phần trên của người vợ và đảm nhận là nếu những khoản tiền riêng của người chồng không đủ để trả tiền mua bất động sản trên, như vậy nghĩa vụ phải trả lại tiền vay của bất cứ Ngân hàng nào đó sẽ không do người vợ đảm nhận”.

Như vậy, theo yêu cầu của chị N thì anh T đã chứng minh nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là thuộc về anh T, còn chị N không có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do đó về quan hệ tài sản theo ý kiến của các đương sự là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Phan Tuấn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37, các Điều 147, 227 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Phan Tuấn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy N.

2. *Về quan hệ con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của anh Phan Tuấn T và chị Nguyễn Thị Thúy N, giao cho chị Nguyễn Thị Thúy N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 đứa con chung của anh T với chị N, gồm: Phan Thành H1 - Sinh ngày 14/5/2012, Phan Thành H2 - Sinh ngày 29/12/2013 và Phan Thành Đ - Sinh ngày 15/3/2016.

Anh Phan Tuấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 đứa con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) tiền Việt Nam đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[3] *Về quan hệ tài sản chung:* Anh Phan Tuấn T và chị Nguyễn Thị Thúy N thỏa thuận tự giải quyết.

[4] *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu*

thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Anh Phan Tuấn T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó có 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con), được khấu trừ 300.000 đồng mà anh T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0005565 ngày 04/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; còn lại 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh T phải nộp tiếp.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Thúy N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 10/12/2020), anh Phan Tuấn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ